Chi tiết mã HS 2903.19.20

Mã HS	2903.19.20
Mô tả hàng hóa	Dẫn xuất halogen hóa của hydrocarbon / - Các dẫn xuất clo hóa của hydrocarbon mạch hở, no: / - - Loại khác: / - - - 1,1,1-Tricloroetan (metyl cloroform)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	02/11/2026 06:28:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29031920/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3852
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3852
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3852
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3852
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3796
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3757
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3757
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3757
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3757
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3757
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3757
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3795
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3795

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3795
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3795
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3795
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3795
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3799
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3799
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3799
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3799
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3799
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3799
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3799
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3763
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3759
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3759
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3759
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3759
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3759
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3759
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3759
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3759
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3759
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3759
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3759
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3759
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3806
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3806

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3806
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3806
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3806
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3806
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3803
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3803
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3803
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3803
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3803
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3803
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3811
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3811
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3811
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3811
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3811
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3811
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3782
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3782
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3782
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3782
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3782
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3782
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3784
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3784
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3784
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3784

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3784
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3784
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3782
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3782
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3782
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3782
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3782
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3782
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3782
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3803
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3803
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3803
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3803
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3803
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3803
RCEP B	2022	2022	0	B!D3803
RCEP B	2023	2023	0	B!E3803
RCEP B	2024	2024	0	B!F3803
RCEP B	2025	2025	0	B!G3803
RCEP B	2026	2026	0	B!H3803
RCEP B	2027	2027	0	B!I3803
RCEP C	2022	2022	0	C!D3803
RCEP C	2023	2023	0	C!E3803
RCEP C	2024	2024	0	C!F3803
RCEP C	2025	2025	0	C!G3803
RCEP C	2026	2026	0	C!H3803

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3803
RCEP D	2022	2022	0	D!D3803
RCEP D	2023	2023	0	D!E3803
RCEP D	2024	2024	0	D!F3803
RCEP D	2025	2025	0	D!G3803
RCEP D	2026	2026	0	D!H3803
RCEP D	2027	2027	0	D!I3803
RCEP E	2022	2022	0	E!D3806
RCEP E	2023	2023	0	E!E3806
RCEP E	2024	2024	0	E!F3806
RCEP E	2025	2025	0	E!G3806
RCEP E	2026	2026	0	E!H3806
RCEP E	2027	2027	0	E!I3806
RCEP F	2022	2022	0	F!D3803
RCEP F	2023	2023	0	F!E3803
RCEP F	2024	2024	0	F!F3803
RCEP F	2025	2025	0	F!G3803
RCEP F	2026	2026	0	F!H3803
RCEP F	2027	2027	0	F!I3803
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F3487
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G3487
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H3487
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I3487

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2903.19 có 2 dòng thuế; dòng 2903.19.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: 1,1,1-Tricloroetan (metyl cloroform).	2903.19.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2903.19.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 2903.19.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3852), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.